TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **184**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 31-5-2024 V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Ông Nguyễn Thành Thông.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2686/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyen A, sinh năm 1971; Quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: B Arbor Creek D., C, TX 75010 USA. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1984; Thường trú: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; Cư trú: A L, Tổ B, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/9/2023 và bản tự khai được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại H, H chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận ngày 20/12/2023, nguyên đơn bà Nguyen A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 07/12/2018. Sau khi kết hôn, thì bà và ông Phạm Văn P sống chung với nhau được khoảng 02 năm thì bà trở về lại Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, ông P vẫn ở lại Việt Nam. Thời gian đầu giữa bà và ông Phạm Văn P thỉnh thoảng có liên lạc để duy trì và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay thì không còn liên lạc. Do không có điều kiện gặp nhau để hàn gắn tình cảm nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không giải

quyết được, khả năng đoàn tụ lại không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị được ly hôn với ông Phạm Văn P để ổn định cuộc sống

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyen A khai không có.

Vì điều kiện đi lại gặp nhiều khó khăn, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 05/4/2024, bị đơn ông Phạm Văn P xác nhận lời trình bày của bà Nguyen A về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà Nguyen A xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà Nguyen A.

Do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyen A và ông Phạm Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 07/12/2018. Căn cứ theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Nguyen A và ông Phạm Văn P là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn cư trú tại nước ngoài; Bị đơn hiện cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bản tự khai của bà Nguyen A1 đã được chứng nhận Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại H, H chúng quốc Hoa Kỳ ngày 20/12/2023 nên được xem là chứng cứ hợp pháp của vụ án theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật

Tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyen A được ly hôn ông Phạm Văn P. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà Nguyen A và ông Phạm Văn P thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà Nguyen A và ông Phạm Văn P xảy ra nhều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà Nguyen A và ông Phạm Văn P đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyen A yêu cầu được ly hôn ông Phạm Văn P là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyen A và ông Phạm Văn P khai không có.

[4] Án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyen A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyen A và ông Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyen A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen A được ly hôn ông Phạm Văn P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyen A chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyen A đã nộp tạm

ứng án phí theo biên lai thu số 0031788 ngày 30/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyen A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Nguyen A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Ông Phạm Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT. (Linh/16b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Duyên

HNST2024TATP-142
1 000122 425216
27.05.2024 11:11
Nguyen Arbie